

Mô hình thanh toán trong thanh toán quốc tế và điều kiện áp dụng tại các ngân hàng thương mại

Có nhiều mô hình thanh toán hiện đang được áp dụng trong việc triển khai hoạt động thanh toán quốc tế (TTQT) tại các ngân hàng trên thế giới và Việt Nam, bao gồm mô hình tập trung (centralized), phân tán (decentralized), thuê ngoài (outsourcing) và các mô hình thanh toán khác. Mỗi mô hình thanh toán có những ưu điểm và hạn chế nhất định, cũng như cần có các điều kiện cụ thể để thực hiện. Việc lựa chọn mô hình thanh toán phù hợp không chỉ giúp ngân hàng nâng cao năng lực quản trị rủi ro, tiết kiệm chi phí mà còn làm tăng tính chuyên nghiệp, nâng cao sức mạnh cạnh tranh của ngân hàng trên thị trường. Trong phạm vi bài viết này, tác giả muốn đề cập đến các điều kiện cụ thể trong việc áp dụng các mô hình thanh toán để các ngân hàng có thể đối chiếu, so sánh với thực tế tại ngân hàng của mình, từ đó lựa chọn mô hình thanh toán phù hợp nhất trong hoạt động TTQT.

TS. TRẦN NGUYỄN HỢP CHÂU - TS. NGUYỄN THỊ CẨM THÙY

Học viện Ngân hàng





1. Khái quát về các mô hình thanh toán trong thanh toán quốc tế

1.1. Mô hình xử lý phân tán (decentralized)

Mô hình xử lý phân tán trong TTQT là: Việc các chi nhánh trực tiếp thực hiện công việc thanh toán, xử lý giao dịch một cách độc lập và sau đó báo cáo, tập hợp các kết quả về hội sở chính của ngân hàng định kỳ hàng tháng, hàng quý theo các quy định cụ thể. Xử lý phân tán là mô hình

truyền thống được áp dụng phổ biến ở các NHTM trên thế giới. Trước đây do điều kiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật còn hạn chế, việc thanh toán của khách hàng trong một hệ thống ngân hàng thường được quản lý và xử lý phân tán trên cơ sở chứng từ và luân chuyển qua đường bưu điện. Sau đó, khi có điện thoại và telex, các ngân hàng sử dụng phương thức chuyển tiền bằng điện báo của bưu điện. Những giao dịch này bắt đầu và kết thúc không đồng thời,

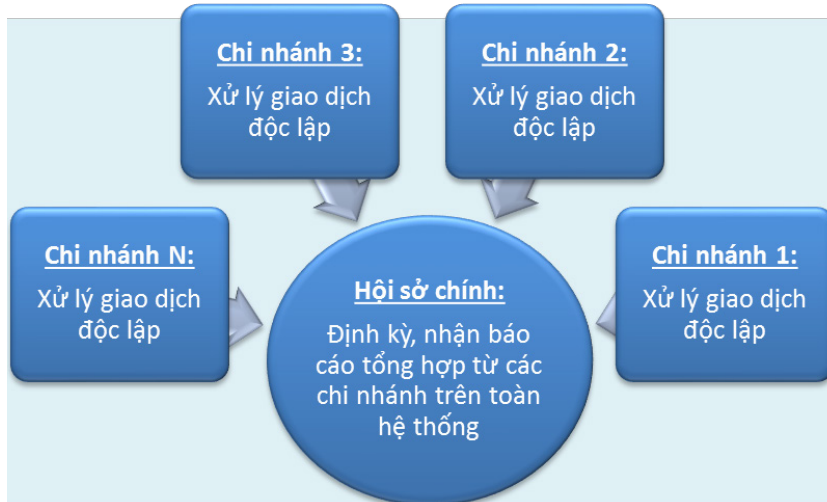
do đó, các ngân hàng tổ chức hệ thống thanh toán trong nội bộ (Internet Payment). Hệ thống thanh toán này phù hợp với mô hình quản lý phân tán và thời gian hoàn tất một giao dịch thường kéo dài từ 1 ngày cho đến 15 ngày (với điều kiện của Việt Nam). Nhưng khi cuộc cách mạng khoa học công nghệ bùng nổ, cho ra đời hàng loạt các phần mềm, công nghệ hiện đại như: Corebanking, Security Fax, Internet Banking... đã mở ra cánh cửa mới cho các ngân hàng trong việc ứng dụng các công nghệ hiện đại vào quá trình xử lý các nghiệp vụ TTQT.

1.2. Mô hình xử lý tập trung (centralized)

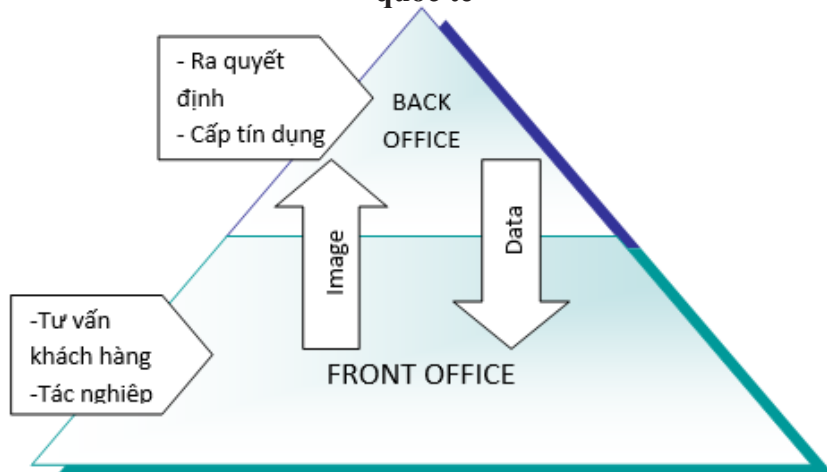
Mô hình tập trung là mô hình thanh toán mà theo đó hoạt động TTQT chỉ thực hiện tại Hội sở chính, còn các Chi nhánh chỉ hoạt động như các đầu mối giao dịch với khách hàng và là trung gian giữa Trung tâm xử lý giao dịch TTQT và khách hàng. Khi khách hàng có nhu cầu thực hiện TTQT tại các Chi nhánh, Chi nhánh thông báo về Trung tâm thanh toán quốc tế (TT.TTQT) và việc thanh toán được thực hiện, xử lý ở tại TT.TTQT.

Trong mô hình xử lý tập trung thì việc xử lý các giao dịch thuộc về trách nhiệm của Trung tâm xử lý giao dịch TTQT hay còn gọi là khu vực Back office (đặt tại Hội sở chính, được thiết kế thành trung tâm xử lý các nghiệp vụ

Hình 1. Mô hình xử lý phân tán trong thanh toán quốc tế

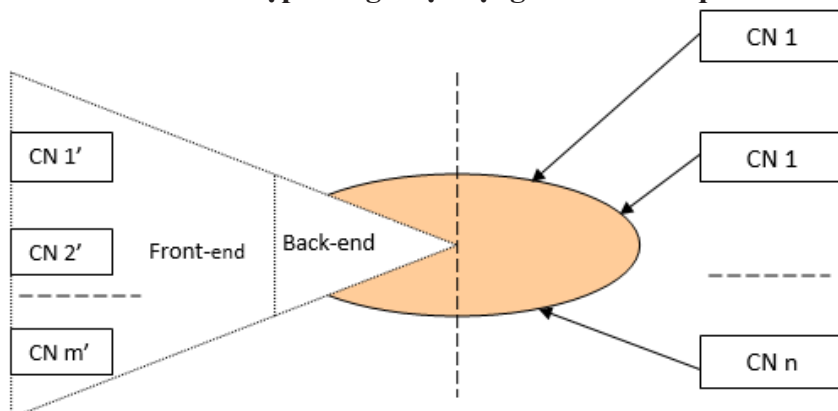


Hình 2. Mô hình xử lý tập trung trong hoạt động thanh toán quốc tế

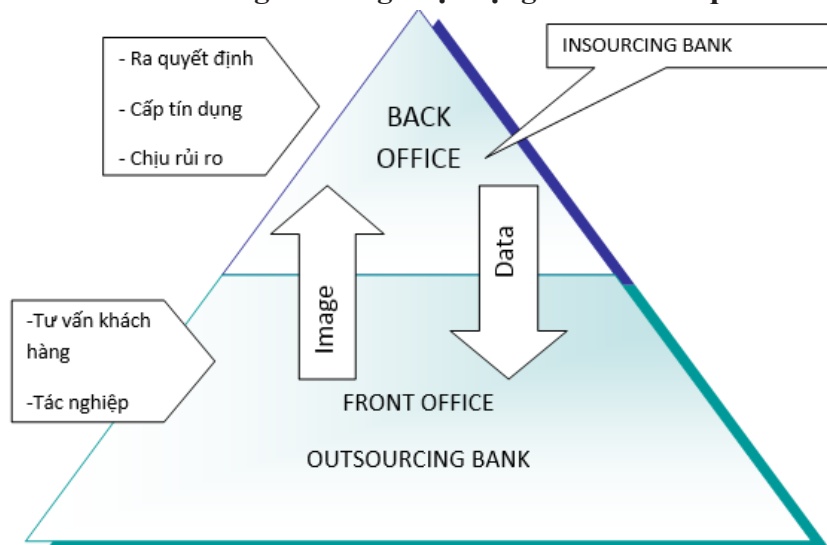




Hình 3.
Mô hình hỗn hợp trong hoạt động thanh toán quốc tế



Hình 4.
Mô hình thuê ngoài trong hoạt động thanh toán quốc tế



thanh toán trong nước, TTQT, tài trợ thương mại và hỗ trợ nghiệp vụ cho các khối kinh doanh, thực hiện việc phát hành thư tín dụng, thanh toán, kiểm tra chứng từ, hạch toán), còn khu vực Front office chính là các chi nhánh trở thành các vệ tinh, kênh phân phối sản phẩm, và làm nhiệm vụ tiếp thị, tư vấn, tìm kiếm khách hàng cho ngân hàng. Trong quá trình hoạt động, chi nhánh và Trung tâm xử lý giao dịch TTQT sẽ kiểm soát chéo lẫn nhau, qua đó hạn chế rủi ro,

nâng cao tính chuyên nghiệp, năng suất lao động.

1.3. Mô hình thanh toán khác

Mô hình thanh toán hỗn hợp

Mô hình thanh toán hỗn hợp được định nghĩa là việc một ngân hàng triển khai đồng thời hai hay nhiều mô hình thanh toán khác nhau, thông thường là mô hình xử lý phân tán và tập trung.

Như vậy trong cùng một hệ thống ngân hàng áp dụng mô hình thanh toán hỗn hợp:

- Có những chi nhánh được

phân quyền để thực hiện xử lý các nghiệp vụ TTQT và tài trợ thương mại từ đầu tới cuối.

- Những chi nhánh còn lại chỉ thực hiện nghiệp vụ tiếp nhận hồ sơ của khách hàng (Front-end - giao dịch cửa trước), còn phần xử lý các nghiệp vụ TTQT, ra quyết định (Back-end - giao dịch cửa sau) sẽ do các Trung tâm xử lý của ngân hàng thực hiện.

Mô hình thanh toán thuê ngoài (outsourcing)

Thuê ngoài dịch vụ TTQT được hiểu là việc một ngân hàng thực hiện các nghiệp vụ front-end tại các chi nhánh của mình (Outsourcing Bank) và chuyển giao nghiệp vụ back-end sang cho một ngân hàng khác (Insourcing Bank).

Mô hình thuê ngoài phù hợp với các ngân hàng nhỏ đóng vai trò là ngân hàng outsourcing, họ tiết kiệm được chi phí khi triển khai dịch vụ đồng thời vẫn đa dạng hóa được các sản phẩm dịch vụ của mình nhằm đáp ứng nhu cầu khách hàng. Tuy nhiên, thông tin về khách hàng có thể mất vào tay của ngân hàng insourcing, đây là điều mà khi thực hiện mô hình thuê ngoài các ngân hàng cần hết sức lưu ý. Để khắc phục nhược điểm này đòi hỏi hợp đồng outsourcing phải được ký kết với các điều khoản chặt chẽ, bảo vệ quyền lợi của cả hai bên.

2. Các điều kiện đối với các ngân hàng thương mại trong việc triển khai mô hình thanh toán trong thanh toán



quốc tế

Mỗi mô hình thanh toán có những ưu điểm và hạn chế nhất định khi được áp dụng triển khai trong TTQT tại các NHTM. Việc lựa chọn mô hình nào sẽ tùy thuộc vào nguồn lực sẵn có của ngân hàng, chiến lược phát triển kinh doanh mà ngân hàng theo đuổi. Tuy nhiên việc áp dụng phải dựa trên nguyên tắc phát huy tối đa ưu điểm cũng như hạn chế tối thiểu những nhược điểm của bản thân mỗi mô hình, đồng thời đem lại hiệu quả về mặt thời gian, tiền bạc, tính an toàn cho ngân hàng trong hoạt động TTQT. Vì vậy khi quyết định lựa chọn cũng như triển khai áp dụng mô hình thanh toán nào thì các NHTM cũng phải quan tâm đến các điều kiện cụ thể sau đây:

2.1. Điều kiện về công nghệ

Công nghệ thông tin hiện nay được coi là vũ khí cạnh tranh hữu hiệu của mỗi ngân hàng trong hoạt động kinh doanh nói chung cũng như lĩnh vực TTQT nói riêng. Nếu ở quốc gia có công nghệ phát triển, ngân hàng có khả năng ứng dụng nó trong hoạt động ngân hàng sẽ tạo điều kiện giúp ngân hàng tăng diện tiếp xúc với khách hàng, từ đó giúp ngân hàng thuận lợi hơn trong việc cung ứng các sản phẩm dịch vụ, quản lý rủi ro, quản trị điều hành.

** Công nghệ đối với mô hình xử lý tập trung phải đảm bảo các vấn đề sau:*

- Công nghệ cần phải được

đồng bộ: Ngân hàng cần phải xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, đồng bộ trên toàn hệ thống và được tin học hoá ở hầu hết các mặt nghiệp vụ. Cụ thể là phải đầu tư xây dựng hệ thống quản trị ngân hàng tập trung (Core-Banking) đáp ứng các yêu cầu mang tính thời đại về tiêu chuẩn kỹ thuật, về tính năng sử dụng, về tính đồng bộ và liên kết, đảm bảo để các ngân hàng có thể quản lý, điều hành toàn bộ các hoạt động của mình một cách hiệu quả.

- Ngân hàng phải giải quyết các vấn đề kỹ thuật: Vì chỉ riêng hệ thống xử lý tập trung là chưa đủ mà phải phát triển các hệ thống hỗ trợ như Scan & imaging, Security fax và Internet banking... Bên cạnh đó, ngân hàng còn phải xử lý các vấn đề về bản quyền và chia sẻ dữ liệu trong hệ thống. Khi các hệ thống chưa được hoàn chỉnh, ngân hàng cần phải có các giải pháp thay thế để đảm bảo công việc được xử lý thông suốt, an toàn và hiệu quả.

- Cần đầu tư vào giải pháp bóc tách số liệu: Bên cạnh Core-Banking thì các hệ thống BPM (Business Process Management), ECM (Enterprise Content Management) đang được xem là một cấu phần quan trọng trong quá trình triển khai và vận hành mô hình thanh toán tập trung. BPM, ECM có thể được hiểu là giải pháp quản lý quy trình nghiệp vụ và quản trị nội dung ngân hàng với qui

mô lớn và hiệu quả. BPM và ECM thường được ứng dụng ở các nghiệp vụ cụ thể như: Khởi tạo và quản lý các khoản vay, phê duyệt tín dụng tập trung, tài trợ thương mại... Việc triển khai BPM, ECM mang lại những hiệu quả rất lớn như đẩy nhanh tốc độ xử lý, quản trị rủi ro, tiết kiệm nhân lực, chi phí, phân cấp trách nhiệm rõ ràng, giám sát-theo dõi nhanh chóng, kịp thời và chính xác.

Một cấu phần quan trọng của BPM, ECM là giải pháp bóc tách thông tin và nhập dữ liệu tự động. Chính công cụ này là yếu tố quan trọng giúp người dùng tiết kiệm rất nhiều thời gian và công sức trong việc nhập thông tin, số liệu từ hồ sơ khách hàng thay vì nhập các thông tin này vào hệ thống phần mềm quản lý bằng biện pháp thủ công như trước đây.

** Công nghệ đối với mô hình xử lý phân tán*

Công nghệ để vận hành mô hình phân tán cũng cần đáp ứng các điều kiện sau:

- Hiện đại và đồng bộ: Ngược lại đối với mô hình xử lý tập trung, công nghệ hiện đại và đồng bộ ở đây được hiểu là đủ đáp ứng cho chi nhánh hoạt động.

- Kết nối tốt với Hội sở chính: Đối với mô hình phân tán đây là điều kiện vô cùng quan trọng, công nghệ của ngân hàng phải đảm bảo sự hỗ trợ tốt cho các giao dịch của chi nhánh và cung cấp thông tin kịp thời trên hệ thống. Ví dụ như vấn đề liên quan tới ngân



hàng nước ngoài phải được cập nhật trên hệ thống nhằm có những cảnh báo về rủi ro hoặc gian lận...

2.2. Điều kiện về quy trình thanh toán

Đối với bất kỳ mô hình thanh toán nào cũng cần có quy trình rõ ràng, chặt chẽ. Điều đó được thể hiện cụ thể như sau:

- *Đối với mô hình xử lý tập trung:* Các ngân hàng phải xây dựng một dây chuyền xử lý khép kín với chất lượng cao, từng cán bộ trong mỗi mắt xích của dây chuyền đó phải hiểu rõ trách nhiệm và mối quan hệ của mình với các cá nhân khác và các bộ phận khác.

Đối với mô hình thanh toán tập trung, xây dựng quy trình khép kín có thể được hiểu là việc toàn bộ các chi nhánh được tích hợp với trung tâm thành một hệ thống. Các chi nhánh dưới sự chỉ đạo của đơn vị đầu mối, thực hiện những phần việc được giao. Đơn vị đầu mối sẽ kiểm tra và xử lý tiếp những công đoạn còn lại. Một quy trình khép kín chất lượng cao đồng nghĩa với một hệ thống được chuyên môn hóa tốt. Từng cán bộ trong hệ thống thực hiện tốt công việc chuyên môn của mình, cũng có nghĩa là các khâu liên tiếp trong một quá trình diễn ra trôi chảy và hiệu quả.

Quá trình xử lý các giao dịch đều được ghi nhật ký trong hệ thống kỹ thuật và trên sổ sách giao nhận giữa các khâu nghiệp vụ. Trên cơ sở đó, sẽ dễ dàng tìm kiếm nguyên nhân

sai sót hoặc chậm trễ và có giải pháp khắc phục. Ngân hàng sẽ định mức thời gian xử lý cho từng khâu nghiệp vụ và xây dựng tiêu chuẩn chất lượng ISO cho các sản phẩm TTQT và tài trợ thương mại.

- *Đối với mô hình xử lý phân tán:* Quy trình được xây dựng cần đảm bảo phân cấp, phân quyền rõ ràng và đầy đủ để chi nhánh có đầy đủ khả năng thực hiện toàn bộ quá trình TTQT. Đặc biệt đối với những giao dịch có tính đặc thù hoặc trong trường hợp có những sự thay đổi, các chi nhánh có đủ quyền để tự xử lý linh hoạt và nhanh chóng nhất nhưng vẫn đảm bảo lợi ích của ngân hàng.

2.3. Điều kiện về nhân lực
Để xây dựng được một đội ngũ cán bộ, nhân viên ngân hàng có đủ tri thức chuyên môn và năng lực để công hiến và làm việc, đáp ứng được nhu cầu về hội nhập quốc tế, các ngân hàng cần phải xây dựng một chiến lược nhân sự cụ thể và hiệu quả.

- *Mô hình xử lý tập trung,* ngân hàng cần có sự phân loại rõ rệt đối với cán bộ làm việc tại chi nhánh và Đơn vị đầu mối. Cán bộ tại các chi nhánh, phòng giao dịch làm nhiệm vụ tìm kiếm khách hàng và xử lý nhu cầu của khách hàng. Vì thế, đội ngũ nhân viên ở chi nhánh ngoài việc am hiểu về quy trình nghiệp vụ cần phải được trang bị những kỹ năng cần thiết như giao tiếp, thuyết phục khách hàng... Đối với các cán bộ làm việc tại Đơn vị

đầu mối, nhiệm vụ chính là xử lý thông tin và tác nghiệp thì cần thiết phải thường xuyên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.

- *Mô hình xử lý phân tán,* các cán bộ TTQT từ Hội sở cho đến chi nhánh cần được trang bị đầy đủ kiến thức, chuyên môn nghiệp vụ về TTQT, tác phong chuyên nghiệp và các kỹ năng cần thiết để có thể tư vấn cho khách hàng khi có yêu cầu, xử lý công việc nhanh chóng, chính xác, đảm bảo quyền lợi của khách hàng và ngân hàng đều được bảo vệ một cách tốt nhất. Ở các chi nhánh cần có ít nhất một chuyên gia am hiểu sâu về các nghiệp vụ TTQT nhằm đảm bảo cho hoạt động diễn ra thuận lợi.

2.4. Điều kiện về nguồn vốn

Chi phí luôn luôn là vấn đề đầu tiên được đặt ra khi các ngân hàng xem xét lựa chọn mô hình thanh toán (tập trung, phân tán, hỗn hợp hay thuê ngoài) để áp dụng vào hoạt động TTQT của mình.

Mô hình xử lý tập trung đòi hỏi chi phí đầu tư ban đầu rất cao, tuy nhiên, hiệu quả thanh toán vượt trội rõ rệt so với mô hình phân tán. Nếu xét trong dài hạn thì chi phí lớn hơn so với mô hình phân tán chỉ là chi phí ban đầu, nó đảm bảo cho cả hệ thống lớn hoạt động thống nhất, lâu dài và liên tục. Khác với mô hình phân tán, mỗi chi nhánh hay phòng giao dịch thực hiện nghiệp vụ riêng rẽ, vì vậy chi phí thiết lập và duy trì bộ máy hoạt động cho



các chi nhánh là lớn.

Từ những phân tích trên đây cho thấy, những ngân hàng có quy mô vốn lớn, đủ tiềm lực đầu tư vào công nghệ hiện đại cũng như đào tạo nhân lực chất lượng cao, số lượng chi nhánh nhiều thì nên sử dụng mô hình tập trung cho hoạt động TTQT.

2.5. Điều kiện về quy mô khách hàng và số lượng giao dịch

Từ sự phân tích ở trên ta thấy rằng vốn đầu tư cho công nghệ, đào tạo nhân lực... để xây dựng mô hình thanh toán tập trung rất lớn, chính vì vậy các ngân hàng sẽ cân nhắc liệu rằng lợi nhuận mang lại từ hoạt động TTQT có thể bù đắp cho tổng vốn đầu tư. Quy mô lợi nhuận của ngân hàng phụ thuộc vào hai yếu tố cơ bản là quy mô khách hàng và số lượng giao dịch.

- Quy mô khách hàng và số lượng giao dịch lớn là điều kiện cần thiết để xây dựng mô hình tập trung.

- Quy mô khách hàng và số lượng giao dịch trung bình, ngân hàng nên áp dụng mô hình thanh toán phân tán.

- Quy mô khách hàng và số lượng giao dịch nhỏ, ngân hàng nên thực hiện thuê ngoài.

2.6. Điều kiện về mặt pháp lý

Mặc dù hiện nay Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) không quy định cụ thể về mô hình thanh toán mà các NHTM phải áp dụng, tuy nhiên, theo các văn bản quy chế hiện tại về cung ứng hoạt động thanh

toán (Nghị định số 101/2012/NĐ-CP về thanh toán không dùng tiền mặt), NHNN có quyền yêu cầu các NHTM cung cấp thông tin có liên quan tới TTQT theo định kỳ và đột xuất. Đối với báo cáo định kỳ dài hạn, với mô hình thanh toán nào các NHTM hoàn toàn có thể chủ động về mặt số liệu, nhưng trong những trường hợp NHNN yêu cầu báo cáo đột xuất hoặc định kỳ nhưng thời gian ngắn (15- 30 ngày), chỉ với mô hình thanh toán tập trung, ngân hàng mới có thể thu thập nhanh số liệu. Chính vì thế, nếu NHNN rút ngắn thời gian báo cáo, thường xuyên yêu cầu báo cáo nhanh (trong một giai đoạn nhất định) và có quy chế xử lý nghiêm khắc đối với các ngân hàng chậm trễ hoặc không thể thực hiện báo cáo, vô hình chung đã tạo một áp lực không nhỏ lên các NHTM, tự các ngân hàng này phải điều chỉnh lại cơ cấu mô hình thanh toán theo hướng phù hợp. Ngoài ra, với những yêu cầu ngày càng cao về quản trị rủi ro trong TTQT từ phía NHNN là lực đẩy khác làm cho các NHTM Việt Nam ngày càng xích lại gần hơn với mô hình thanh toán tập trung.

2.7. Điều kiện về chiến lược kinh doanh của ngân hàng

Mỗi ngân hàng đều xây dựng cho mình một chiến lược kinh doanh cụ thể. Chiến lược kinh doanh được xây dựng dựa trên việc ngân hàng xác định vị trí hiện tại của mình trong hệ thống, thấy được điểm mạnh,

yếu, cơ hội, thách thức đồng thời dự đoán được sự thay đổi của môi trường kinh doanh trong tương lai.

Từ những phân tích ở các phần trên ta có thể thấy mỗi một mô hình có ưu điểm và nhược điểm riêng. Nhiệm vụ của Ban quản trị ngân hàng là cần phải nghiên cứu đánh giá tiềm lực của ngân hàng mình hiện tại phù hợp với mô hình nào, trên cơ sở đó xác định chiến lược thay đổi hoặc giữ nguyên mô hình hiện tại. Xây dựng, chuyển đổi mô hình là kết quả của một quá trình dài hạn, đòi hỏi cần có sự quyết tâm cao độ của cán bộ nhân viên cũng như lãnh đạo ngân hàng.

2.8. Điều kiện về nhu cầu của doanh nghiệp xuất nhập khẩu

Doanh nghiệp xuất nhập khẩu- người sử dụng dịch vụ thanh toán ngày càng có nhiều quyền lực hơn trong việc lựa chọn sản phẩm dịch vụ thanh toán. Những yêu cầu cao về chất lượng dịch vụ như nhanh chóng, linh hoạt, chuyên nghiệp và đặc biệt đối với những doanh nghiệp có các chi nhánh tại các địa bàn khác nhau yêu cầu về tính đồng bộ của dịch vụ và chất lượng dịch vụ. Những yêu cầu này là động lực để ngân hàng xem xét chuyển sang mô hình xử lý tập trung.

Việc xem xét các điều kiện là hết sức cần thiết để các ngân hàng đưa ra quyết định lựa chọn mô hình thanh toán thích hợp cũng như hoàn thiện mô hình thanh toán trong quá trình



triển khai thực hiện dịch vụ TTQT. Đây là cơ sở, tiền đề để ngân hàng ngày càng phát triển và có chỗ đứng trên thị trường trong lĩnh vực đang chịu sự cạnh tranh gay gắt của các ngân hàng nội địa và ngân hàng có yếu tố nước ngoài. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Celent Report (June 2006)* "Trade Finance at Regional Banks: What are the options?".
2. *Sainath Radhakrishnan, Head-FI Trade Outsourcing, ABN AMRO, London* "Offshoring/Outsourcing Banks' Trade Services".
3. *Andrew Peck Citi Bank Finance Asia (April 2007)* "Centralising trade- Will Citi's regional processing centre in Penang revolutionise trade finance?".
4. *GS.TS Nguyễn Văn Tiến (2014)*, "Giáo trình thanh toán quốc tế và tài

trợ ngoại thương", NXB Thống kê.

tiếp theo trang 40

sớm trong trường hợp xuất hiện tăng trưởng tín dụng "nóng". Đồng thời, điều này cũng không tác động một cách trực tiếp đến từng NHTM khi áp dụng theo khuyến nghị của Basel III về tăng tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu thêm 0-2,5% nhằm tạo "phanh" trước sự phức tạp của chu kỳ kinh tế. ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Aaron Woolner (2014)*, "Thailand questions credit-to-GDP ratio as trigger for Basel III countercyclical buffer", *Asia Risk*.
2. - *Basel Committee on Banking Supervision (2010)*, "Countercyclical capital buffer proposal", *Bank for International Settlements*.

3. - *Basel Committee on Banking Supervision (2010)*, "Guidance for national authorities operating the countercyclical capital buffer", *Bank for International Settlements*.
4. - *Geršl, A and J Seidler (2012)*, "Excessive credit growth and countercyclical capital buffers in Basel III: an empirical evidence from central and east European countries", *Economic Studies and Analyses*, No. 6(2).
5. - *M. Drehman, K. Tsatsaronis (2014)*, "The credit-to-GDP gap and countercyclical capital buffers: questions and answers", *Bank for International Settlements*.
6. - *J.P.R. Karunaratne (2013)*, "Basel III Implementation: Challenges and Opportunities", *The Seacem Centre*.
7. - *Bộ Tài chính (2014)*, báo cáo "Việt Nam- Dự đoán ngân sách Nhà nước năm 2015".

SUMMARY

Payment models in international payments and their conditions to be applied at commercial banks

There is a variety of payment models being applied in international payments at banks around the world and in Vietnam, including centralized model, decentralized model, outsourcing model and others. Each model has its own advantages and disadvantages as well as conditions to be applied. Selecting an appropriate payment model helps a bank not only improve its risk management capability, save costs but also enhance its professionalism and competitiveness in the market. In this research, the author discusses certain conditions for such payment models to be applied, with which a bank can compare its conditions in practice in order to select the most appropriate model for its international payments

THÔNG TIN TÁC GIẢ

Trần Nguyễn Hợp Châu, Tiến sĩ

Đơn vị công tác: Khoa Kinh doanh quốc tế, Học viện Ngân hàng
Lĩnh vực nghiên cứu chính: Thanh toán quốc tế- Tài trợ thương mại- Nghiệp vụ ngoại thương
Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp chí Khoa học Đào tạo Ngân hàng
Email: hopchau.hvnh@gmail.com

Nguyễn Thị Cẩm Thủy, Tiến sĩ

Đơn vị công tác: Khoa Kinh doanh quốc tế, Học viện Ngân hàng
Lĩnh vực nghiên cứu chính: Thanh toán quốc tế, Tài trợ thương mại, Giao dịch thương mại quốc tế
Tạp chí tiêu biểu đã có bài viết đăng tải: Tạp chí Ngân hàng, Tạp chí Khoa học và Đào tạo Ngân hàng
Email: camthuyhvn@gmail.com